TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2019.
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Lê Viên**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Tỉnh**

Ông **Lưu Văn Có**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kiều Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp *"ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu Tr**

Địa chỉ: 88/28 Ng, phường Vĩnh H, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Bà Tr vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Lê Phúc Đ**

Địa chỉ: 88/28 Ng, phường Vĩnh H, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Ông Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr trình bày:* Bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Lê Phúc Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/3/2006.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2015, sau khi ông Đ phải thi hành án tại trại giam Xuân Lộc, Đồng Nai, mọi công việc trong gia đình đều do một mình bà Tr gánh vác. Nay bà Tr nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể duy trì hôn nhân với ông Đ được nữa nên yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn ông Đ.

Về con chung: Bà Tr và ông Đ có 02 con chung là Lê Phúc Tr sinh ngày 18/12/2006 và Lê Phúc T sinh ngày 13/8/2009. Ly hôn, bà Tr yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn – ông Lê Phúc Đ trình bày:* Ông Lê Phúc Đ và bà Nguyễn Thị Thu Tr tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/3/2006. Cuộc sống chung của ông Đ và bà Tr không có hạnh phúc đúng như những gì bà Tr đã trình bày nên ông Đ đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Tr.

Về con chung: Ông Đ và bà Tr có 02 con chung là Lê Phúc Tr sinh ngày 18/12/2006 và Lê Phúc T sinh ngày 13/8/2009. Ly hôn, ông Đ đồng ý để bà Tr được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tạm thời, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Tr không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thu Tr được ly hôn với ông Lê Phúc Đ; giao 02 con chung là Lê Phúc Tr sinh ngày 18/12/2006 và Lê Phúc T sinh ngày 13/8/2009 cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Tr không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu Tr, ông Lê Phúc Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr, ông Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Lê Phúc Đ tự nguyện đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/2006 ngày 16/3/2006, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Tr và ông Đ đều cho rằng, vì vợ chồng phải sống xa nhau quá lâu nên tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa ông bà không có hạnh phúc. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà Tr và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà Tr là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận để bà Tr được ly hôn ông Đ.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Lê Phúc Đ có 02 con chung là Lê Phúc Tr sinh ngày 18/12/2006 và Lê Phúc T sinh ngày 13/8/2009. Bà Tr có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 con chung là Lê Phúc Tr sinh ngày 18/12/2006 và Lê Phúc T sinh ngày 13/8/2009 cho bà Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đ tạm thời không cấp dưỡng nuôi con do bà Tr không yêu cầu.

[4]. Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu Tr, ông Lê Phúc Đ không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, các Điều 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu Tr được ly hôn ông Lê Phúc Đ.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Phúc Tr sinh ngày 18/12/2006 và Lê Phúc T sinh ngày 13/8/2009 cho bà Nguyễn Thị Thu Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lê Phúc Đ tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Tr không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011086 ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, bà Trang đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu Tr, ông Lê Phúc Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND TP. Nha Trang;*
- *Chi cục THADS TP. Nha Trang;*
- *UBND xã Phước Đồng, TP. Nha Trang (số 16, ngày 16/3/2006);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Viên